

Bản án số:138/2020/HSST
Ngày:17/9/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Văn Tôn.

2. Bà Mẫn Thị Quyên.

- *Thư ký Phiên tòa :* Bà Tạ Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên .

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên , tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Dương Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 119/2020/TLST- HS ngày 21 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/ QĐXXST- HS ngày 03 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Dương Quý T; tên gọi khác: không; sinh năm 1993; tại thành phố Thái Nguyên; trú tại: tổ 11, phường CH, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Đ và bà Nguyễn Thị M; có vợ là: Lý Thị T, vợ chồng có 3 con chung (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018).

Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị đang tại ngoại tại địa phương (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Nguyễn Thị T – Luật sư – Văn phòng Luật sư Thanh Hoa - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

- Bị hại: anh Đặng Ngọc D, sinh năm 1995 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: tổ dân phố TM, phường PC, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Người làm chứng:

+ Anh Hà Huỳnh Đ, sinh năm 1995;

Trú tại: Xóm XT, xã TP, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Nguyễn Bảo Tr, sinh năm 1992;

Trú tại: Xóm C, xã NT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Nguyễn Tiến A, sinh năm 1993;

Trú tại: Xóm Giã Trung, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Chị Lương Thị N, sinh năm 1991;

Trú tại: Xóm Nông Vụ 4, xã Vạn Phái, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991;

Trú tại: Xóm ĐM, xã MĐ, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh Tr có mặt, anh Đ, anh A, chị N, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2019, chị Lương Thị N làm quản lý một số nhân viên nữ chuyên đi phục vụ rót bia và chọn bài hát tại các quán hát trên địa bàn thị xã Phổ Yên. Trong đó có nhân viên tên là Ngọc A và H (chưa rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) làm cho N. Sau đó, Ngọc A nghỉ không làm cho N nữa và rủ H đi làm ở quán cà phê Mây Hồng, thuộc tổ dân phố Hoàng Thanh, phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên của Dương Quý T. Bực tức do Ngọc A tự ý nghỉ việc và còn kéo theo H nhân viên của mình đồng thời có những lời lẽ thách thức khi N gọi điện hỏi, nên khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/3/2020, N cùng bạn của mình là Nguyễn Tiến A, Nguyễn Văn T1, Đặng Ngọc D và Hà Huỳnh Đ đến quán cà phê Mây Hồng để làm rõ việc Ngọc A nghỉ không làm cho N nữa và còn lôi kéo nhân viên tên H của N. Đến nơi, thấy Ngọc A đang ngồi cùng một số nhân viên nữ khác trong quán, các đối tượng đã chửi bới và dùng chân tay đánh đá nhiều phát vào người Ngọc A. Lúc này, T đang ở phòng bên trong nghe thấy tiếng ồn ào liền đi ra, thì thấy Ngọc A nhân viên của mình đang bị đánh nên bảo các đối tượng bình tĩnh vào trong nhà nói chuyện. Tiến A, D và N vào trong quán ngồi nói chuyện, còn Đ và T1 ra ngoài ngồi đợi. T và Nga thống nhất không vì một đứa nhân viên mà làm ảnh hưởng đến việc làm ăn, T đồng ý cùng Ngọc A về quán của N nói chuyện. Sau khi các đối tượng thống nhất xong, Tiến A đi ra ngoài trước, khi vừa ra đến cửa quán thì gặp Nguyễn Bảo Tr (bạn của T thường đến quán của T chơi và ở đây) cùng 02 đối tượng thanh niên khác, theo Tr khai là Trần Xuân H và Hoàng ĐT (chưa xác định được địa chỉ cụ thể) bạn quen biết ngoài xã hội với Tr đi xe mô tô về quán Mây Hồng. Về đến nơi, Tr thấy Ngọc A nói “*anh ơi, bọn em bị đánh*”. Tr liền lấy 01 con dao tự chế bằng kim loại màu trắng, sắc nhọn dài khoảng từ 50-70cm để ở xe mô tô, vào trong quán thì gặp Tiến A, Tr liền dùng dao chém vào tay trái của Tiến A, Tiến A bỏ chạy và bị ngã. Tr tiếp tục đuổi theo chém Tiến A, sau đó Tiến A bỏ chạy thoát nên Tr không đuổi theo nữa. Thấy Tiến A bị chém, D chạy vào trong quán thì bị T cầm một con dao tự chế dài

khoảng 70cm, màu đen có lưỡi sắc, mũi nhọn chém vào vùng đỉnh cằm đầu của D, D lao vào giằng co dao với T nhưng không giằng được và tiếp tục bị T chém nhiều nhất vào người. Thấy Tiến A và D bị chém đánh, N chạy ra ngoài hô hoán người dân xung quanh cứu giúp. Sau khi đánh chém D, Tiến A xong T, Tr và các đối tượng khác bỏ đi, D đi ra ngoài nhờ người đưa đi cấp cứu. Trong lúc Tiến A, D bị đánh chém, T1 và Đ ở bên ngoài quán, thấy vậy liền bỏ chạy khỏi đó.

Hậu quả: Đặng Ngọc D bị chém gây thương tích đa vết thương phần mềm nhiều nơi, vùng đỉnh cằm có vết thương còn chỉ khâu kích thước (6x0,1)cm và 01 vết kích thước (5,5x0,1)cm, vùng thái dương (P) có vết thương kích thước (4x0,1)cm, vùng vai (P) có vết thương kích thước (8x0,1)cm, vùng 1/3 trên cánh tay (P) có vết thương kích thước (7x0,1)cm, 1/3 dưới cánh tay (p) có vết thương kích thước (2,3x0,1)cm, cổ tay (P) có vết thương kích thước (7x0,1)cm đứt gân, 1/3 dưới đùi (P) có vết thương kích thước (5x0,1)cm, vùng khoeo chân (P) có vết thương kích thước (10x0,1)cm, 1/3 giữa cẳng chân (P) có vết thương kích thước (14x0,1)cm.

Nguyễn Tiến A bị chém tại khuỷu tay (T) 01 vết thương kích thước (4x0,1)cm, đầu trên mặt sau cẳng tay (T) có vết thương kích thước (7x0,1)cm mẻ xương.

Dương Quý T bị thương tích đứt gân đuôi ngón I bàn tay (T), đa vết thương phần mềm, vùng trán (P) có vết thương kích thước (4x0,1)cm, mu bàn tay (P) có vết thương (3,5x0,1)cm.

Quá trình điều tra, T đã khai nhận hành vi dùng dao chém gây thương tích cho D như đã nêu ở trên. T khai, do bức tức khi thấy nhân viên của mình bị đánh, T đã lấy con dao tự chế dài khoảng 70cm, lưỡi bằng kim loại màu đen sắc nhọn có sẵn ở trong phòng ngủ của mình ở quán để chém nhóm người của D. Khi T vừa cầm dao mở cửa hành lang dẫn vào phòng ngủ thì thấy D tay không chạy vào. T đã dùng dao chém nhiều nhất vào người D nhưng không biết rõ chính xác chém vào đâu, quá trình chém D, D có lao vào giằng co con dao và vật lộn với T nên dẫn đến thương tích cho T.

Tr khai sau khi dùng dao chém Tiến A xong, Tr chạy vào trong quán thì thấy T và D đang giằng co với nhau một con dao, T thấy Tr vào, một tay T giằng co dao với D, một tay lấy con dao của T và tiếp tục chém về phía D, thấy vậy Tr vào can ngăn T, giằng lại con dao từ tay T không cho chém D nữa. Sau đó Tr và T bỏ đi cầm theo dao để ở xe mô tô và rời mất.

Về dân sự: bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh D xong, anh D không có yêu cầu đề nghị gì.

Vật chứng trong vụ án: 02 con dao T sử dụng gây thương tích cho anh D, quá trình bỏ đi khỏi hiện trường, Tr và T làm rơi, Cơ quan điều tra không thu giữ được. Mẫu máu thu tại hiện trường niêm phong trong các phong bì ký hiệu M1,M2,M3,M4; 01 chiếc dép bên phải, 01 chiếc dép bên trái thu tại hiện trường niêm phong vào túi niêm phong mã số NS1A072376.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 128 ngày 13/3/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể

do thương tích gây nên của Đặng Ngọc D hiện tại là 12%, cơ chế hình thành các vết thương do vật có cạnh sắc gây nên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 129 ngày 13/3/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Tiến A là 05%, cơ chế do vật có cạnh sắc gây nên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 130 ngày 13/3/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Nguyên kết luận: tỷ lệ tổn thương cơ thể của Dương Quý T là 05%, cơ chế hình thành do vật có cạnh sắc gây nên.

Bản cáo trạng số 133/CT-VKS ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Dương Quý T về tội “Cố ý gây thương tích theo” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Dương Quý T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Dương Quý T tội: “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Dương Quý T từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường: bị cáo T đã tự nguyện bồi thường xong cho bị hại anh D số tiền 100.000.000đồng. Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu M3 ghi mẫu tóc; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu M4 ghi mẫu tóc; 01 túi niêm phong có dấu đỏ mã số NS1A 072376 ghi 01 chiếc dép bên phải; 01 chiếc dép bên trái thu tại hiện trường; về án phí: bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận: Người bào chữa cho bị cáo T phát biểu bản luận cứ: Về tội danh nhất trí như truy tố của Viện kiểm sát. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo T được hưởng mức án treo thấp nhất.

Bị cáo T nhất trí với ý kiến của người bào chữa, bị cáo không tranh luận gì thêm. Nói lời nói sau cùng bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo ở mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc xem xét.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như lời khai của bị hại, người làm chứng. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 06/3/2020, tại quán cà phê Mây Hồng, thuộc tổ dân phố HT, phường ĐT, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Giữa bị cáo T và nhóm bạn của chị N gồm Nguyễn Tiến A, Nguyễn Văn T1, Đặng Ngọc D và Hà Huỳnh Đ đến quán cà phê Mây Hồng để làm rõ việc Ngọc A nghỉ không làm cho N nữa và còn lôi kéo nhân viên tên H của N. Đến nơi, thấy Ngọc A đang ngồi cùng một số nhân viên nữ khác trong quán, các đối tượng đã chửi bới và dùng chân tay đánh đá nhiều phát vào người Ngọc A. Lúc này, T đang ở phòng bên trong nghe thấy tiếng ồn ào liền đi ra, thì thấy Ngọc A nhân viên của mình đang bị đánh nên bảo các đối tượng bình tĩnh vào trong nhà nói chuyện. Tiến A, D và N vào trong quán ngồi nói chuyện, còn Đ và T1 ra ngoài ngồi đợi. T và N thống nhất không vì một đứa nhân viên mà làm ảnh hưởng đến việc làm ăn, T đồng ý cùng Ngọc A về quán của N nói chuyện. Sau khi các đối tượng thống nhất xong, Tiến A đi ra ngoài trước, khi vừa ra đến cửa quán thì gặp Nguyễn Bảo Tr (bạn của T thường đến quán của T chơi và ở đây) cùng 02 đối tượng thanh niên khác, theo Tr khai là Trần Xuân H và Hoàng Đức T2 (chưa xác định được địa chỉ cụ thể) bạn quen biết ngoài xã hội với Tr đi xe mô tô về quán Mây Hồng. Về đến nơi, Tr thấy Ngọc A nói “*anh ơi, bọn em bị đánh*”. Tr liền lấy 01 con dao tự chế bằng kim loại màu trắng, sắc nhọn dài khoảng từ 50-70cm để ở xe mô tô, vào trong quán thì gặp Tiến A, Tr liền dùng dao chém vào tay trái của Tiến A, Tiến A bỏ chạy và bị ngã. Tr tiếp tục đuổi theo chém Tiến A, sau đó Tiến A bỏ chạy Tr không đuổi theo nữa. D chạy vào trong quán của T, lúc này T thấy Ngọc A là nhân viên của mình bị chém, do bức tức T cầm một con dao tự chế dài khoảng 70cm, màu đen có lưỡi sắc, mũi nhọn chém vào vùng đỉnh cằm đầu của D, D lao vào giằng co dao với T nhưng không giằng được và tiếp tục bị T chém nhiều nhát vào người, gây thương tích cho anh Đặng Ngọc D với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12% (mười hai phần trăm). Với hành vi của T dùng dao gây thương tích cho anh D (là hung khí nguy hiểm) thương tích gây nên là 12%. Nên hành vi của các bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Do đó bản cáo trạng số 133/CT-VKSPY ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Dương Quý T về tội danh và điều khoản viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ). Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 điều này”

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy cần phải được xét xử bằng pháp luật hình sự.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người lao động thuần túy, không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo đã đến xin lỗi và tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 100.000.000đồng, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên có đủ căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên và lời thỉnh cầu của bị cáo, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương mà không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội vẫn có thể cải tạo bị cáo thành công dân tốt được.

Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp, cần được chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Thương tích của anh D là do bị cáo T gây ra. Đến nay bị cáo đã tự nguyện bồi thường xong cho anh D số tiền 100.000.000đồng. Do vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường này.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu M3 ghi mẫu tóc; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu M4 ghi mẫu tóc; 01 túi niêm phong có dấu đỏ mã số NS1A 072376 ghi 01 chiếc dép bên phải; 01 chiếc dép bên trái thu tại hiện trường. Là vật chứng của vụ án, không có giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Các vấn đề khác: Trong vụ án này còn có Nguyễn Bảo Tr có hành vi dùng dao chém gây thương tích cho Nguyễn Tiến A với tỷ lệ thương tích 05%, Tr đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết tình cảm bồi thường thiệt hại sức khỏe cho Tiến A. Ngày 08/5/2020, Tiến A có đơn xin rút đơn trình báo và miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Tr nên hành vi của Tr không đủ yếu tố

cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ vụ việc xử lý hành chính theo quy định.

Về thương tích của T, T xác định là do quá trình vật lộn, giằng co con dao với D nên bị thương nhẹ, T không có yêu cầu đề nghị gì.

Đối với Ngọc A bị Đặng Ngọc D và Hà Huỳnh Đ dùng chân tay không đánh. Quá trình điều tra chưa xác định được Ngọc A là ai, ở đâu, Ngọc A không có đơn trình báo, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý. Trần Xuân H và Hoàng Đức T (bạn của Tr) có mặt khi xảy ra vụ việc. Chưa rõ nhân thân lai lịch địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố bị cáo Dương Quý T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt chính: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Dương Quý T 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ.

Giao bị cáo Dương Quý T cho Ủy ban nhân dân phường CH, thành phố Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, Điều 468, Điều 584, 585, 586, 587 và 590 của Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo T với bị hại anh D. Bị cáo T tự nguyện bồi thường xong cho anh D số tiền 100.000.000đồng.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu M3 ghi mẫu tóc; 01 phong bì niêm phong có dấu đỏ ký hiệu M4 ghi mẫu tóc; 01 túi niêm phong có dấu đỏ mã số NS1A 072376 ghi 01 chiếc dép bên phải; 01 chiếc dép bên trái thu tại hiện trường.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Phổ Yên và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên ngày 16/9/2020).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Dương Quý T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKDND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- Thi hành án thị xã Phổ Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- UBND xã phường CH
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy